Số: 34/2025/NQ-HĐND
Thời gian ký: 2025-12-12T11:49:15+07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 34 /2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 84/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 2338/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 618/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về nội dung chi, mức chi cho

các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Long An và Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo dự toán đã phê duyệt. Trường hợp đề xuất thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh chương trình, dự án, kế hoạch và dự toán theo quy định tại Nghị quyết này và trong phạm vi dự toán được giao.

2. Đối với các chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán, đơn vị chủ trì chương trình, dự án, kế hoạch khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán theo quy định tại Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TTHĐND, UBND các xã, phường;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Các Phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 34 /2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp tại tỉnh Tây Ninh;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được hình thành từ các nguồn:

1. Ngân sách tỉnh, xã, phường bố trí cho chương trình, kế hoạch khuyến nông thuộc nhiệm vụ chi của tỉnh, xã, phường và được Ủy ban nhân nhân cấp tỉnh, cấp xã, phường phê duyệt.

2. Nguồn kinh phí lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thực hiện mục tiêu của khuyến nông.

3. Ngoài nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động khuyến nông. Các đơn vị được vận dụng các quy định tại Nghị quyết này trong việc sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác khi thực hiện hoạt động khuyến nông.

Chương II
NỘI DUNG CHI, MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Điều 3. Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

1. Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đôi vơi giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

2. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An và Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); nước uống phục vụ lớp học; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức hỗ trợ thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định hiện hành.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ và đối tượng chuyển giao công nghệ:

a) Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông:

Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học: trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ theo mức được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), hỗ trợ tiền ăn theo mức hỗ trợ được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở

xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

b) Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), hỗ trợ tiền ăn theo mức hỗ trợ được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.

5. Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước.

a) Đối với khảo sát, tham quan học tập mô hình, học tập trong nước: mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

b) Đối với khảo sát, học tập ngoài nước, mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 4. Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền

1. Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng

a) Xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; bản tin, trang thông tin điện tử khuyến nông: thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn tài chính, chứng từ thực tế hợp pháp đúng quy định của pháp luật;

b) Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập.

a) Nội dung chi, mức hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

b) Riêng mức hỗ trợ chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo theo dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt được vận dụng mức hỗ trợ theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

4. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp: mức hỗ trợ 100% các khoản chi phí gồm thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, dịch vụ phục vụ (điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ), vận chuyển, chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm, trang trí chung của hội chợ triển lãm, tổ chức khai mạc, bế mạc (giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng), tổ chức hội thảo (chi phí thuê hội trường, thiết bị), thông tin tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

5. Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình

1. Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu.

a) Mô hình trình diễn ở biên giới, địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình nhưng không quá 150 triệu đồng/mô hình.

2. Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn);

3. Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

4. Hỗ trợ tối đa 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

5. Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình.

a) Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe, hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

b) Chi hỗ trợ tiền ăn theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Quy định này; chi hỗ trợ tiền nước uống theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu), trợ giảng theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy định này.

6. Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 3 và Khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

7. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày (x) số ngày thực tế thuê.

Điều 6. Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn và dịch vụ khuyến nông

1. Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm: mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Quy định này.

3. Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng: mức hỗ trợ thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ hợp tác quốc tế về khuyến nông

1. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc: thực hiện theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc quy định các mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam và các mức chi tiếp khách trong nước đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 8. Nội dung chi khác

1. Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông: thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới phù hợp để chuyển giao gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa các bên liên quan theo quy định pháp luật.

3. Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông: thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông.

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định theo điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.